

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 30 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Hồng Dân**. Ngày tháng năm sinh: 16/7/1986
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường PTDT Nội trú THCS&THPT Xín Màn
- Nơi thường trú: Thôn Vĩnh Ban, xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 002086011003 ngày cấp: 30/08/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lương Thị Thuần**. Ngày tháng năm sinh: 09/09/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Vĩnh Thành, xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang
- Nơi thường trú: Thôn Vĩnh Ban, xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 002187006128 ngày cấp: 30/08/2021, nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Lương Hà**. Ngày tháng năm sinh: 2015
- Nơi thường trú: Thôn Vĩnh Ban, xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp: nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): (không có)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

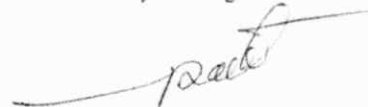
1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Thôm Thọ, xã Nà Chi, tỉnh Tuyên Quang
- Diện tích: 183,3m²
- Giá trị: 255.000.000đ (mua tháng 4 năm 2019)

Chữ ký của người nhận

Chữ ký của người kê khai



- Giấy chứng nhận quyền sử hữu: số BI039688 do Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang cấp ngày 09/10/2012 (tờ bản đồ số 2 diện tích 183,3m²), cấp cho ông Nguyễn Hồng Dân

- Thông tin khác: (không có)

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): (không có)

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà:

- Diện tích sử dụng:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác: (Không có)

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

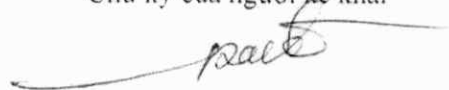
2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm:

Chữ ký của người nhận

Chữ ký của người kê khai



- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Ô tô Honda HR-V Số đăng ký: 23001053 Giá trị: 704.000.000đ
(mua năm 2024)

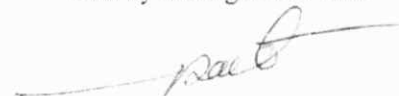
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

Chữ ký của người nhận

Chữ ký của người kê khai



- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản: số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 275.802.501 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

Chữ ký của người nhận

Chữ ký của người kê khai



7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ui, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.			-Thu nhập lương và phụ cấp 2 vợ chồng
		455.802.501đ	

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Chuyên viên phòng Tổ chức cán bộ

Sở Giáo dục và Đào tạo



Hoàng Thị Hồng Nhung

Pà Vầy Sủ, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hồng Dân

